TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 54/2020/QĐCNSTT-VHN

N, ngày 25 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 60/2020/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân:

1. Ông **Danh C,** sinh năm 1987

ĐKTT: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh K

Địa chỉ: phường A, quận N, thành phố C

2. Bà **Lê Ngọc H**, sinh năm 1989.

ĐKTT: Ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh S

Địa chỉ: phường A, quận N, thành phố C

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn nên hòa giải đoàn tụ không thành.

[2] Về con chung: Ông C, bà H thống nhất không có con chung và hiện tại bà H xác định đang không mang thai.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông C thống nhất không có nên không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành; không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà **Lê Ngọc H** và ông **Danh C** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông C, bà H thống nhất không có con chung và hiện tại bà H xác định đang không mang thai.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông C thống nhất không có nên không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Mỗi người phải chịu 150.000 đồng, ông C tự nguyện nộp thay cho bà H 150.000 đồng. Ông C đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số 002051 ngày 26 tháng 11 năm 2019 được chuyển thành lệ phí hôn nhân.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân QNK;
- Nơi tiến hành ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐỖ THỊ DIỄM TRANG